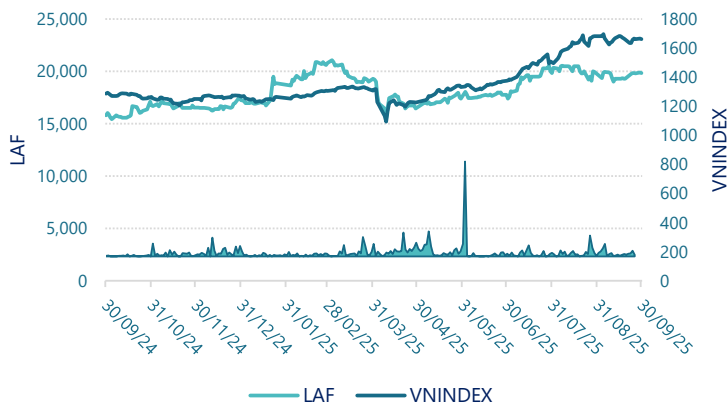




CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (HSX: LAF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	19,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,429
SL cổ phiếu LH	15,228,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,865
% sở hữu nước ngoài	2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	302
P/E	7.5
EPS	2,640

DT thuần

Q3/25

127

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00 | -5.9%

YoY: ▲23.0 | 22.2%

LN sau thuế

Q3/25

7.65

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.75 | -38.3%

YoY: ▼5.45 | -41.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.0%

+/- YoY: ▼6.5%

DT thuần

9T 2025

337

tỷ VNĐ

YoY: ▲21.0 | 7.0%

LN sau thuế

9T 2025

23.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.70 | -16.6%

ROE

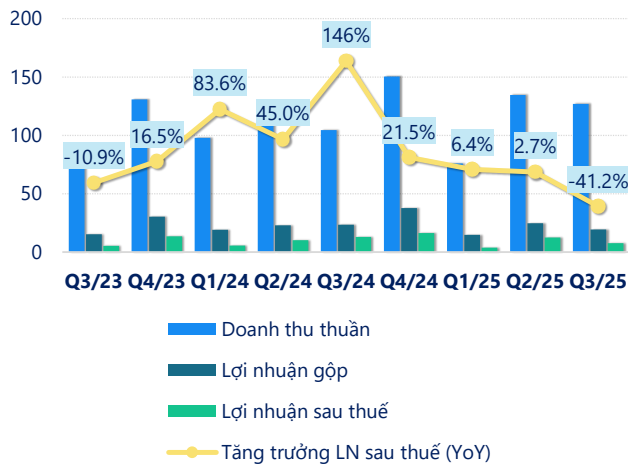
Q3/25

17.0%

+/- YoY: ▼2.2%

tỷ VNĐ

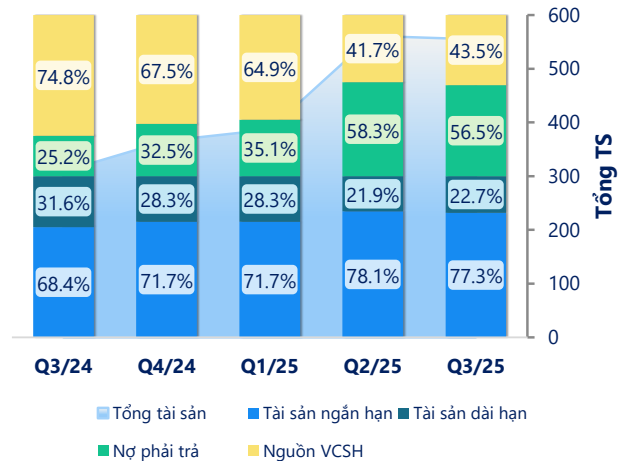
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

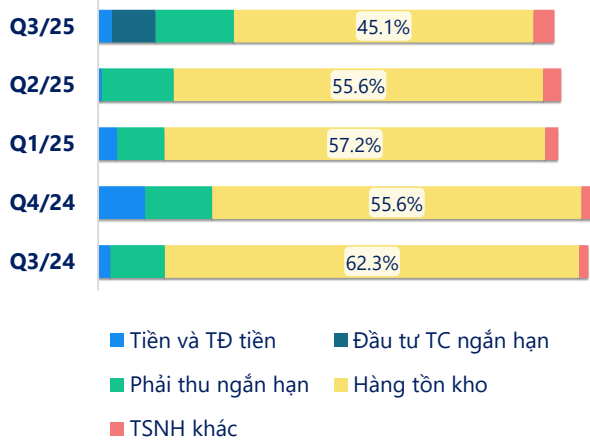
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



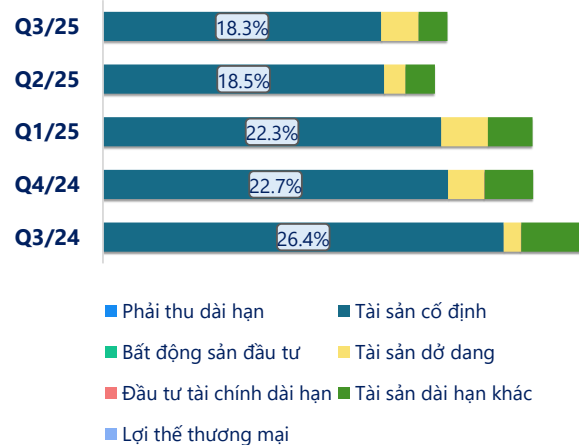
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

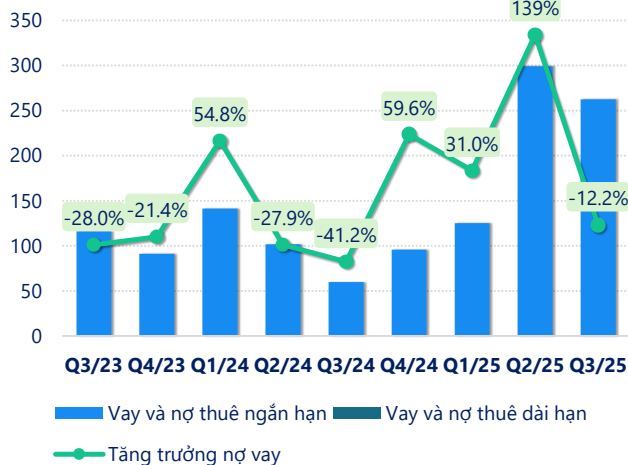
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

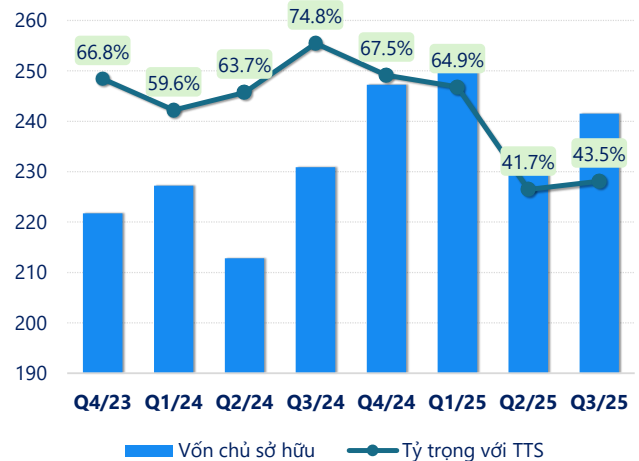
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

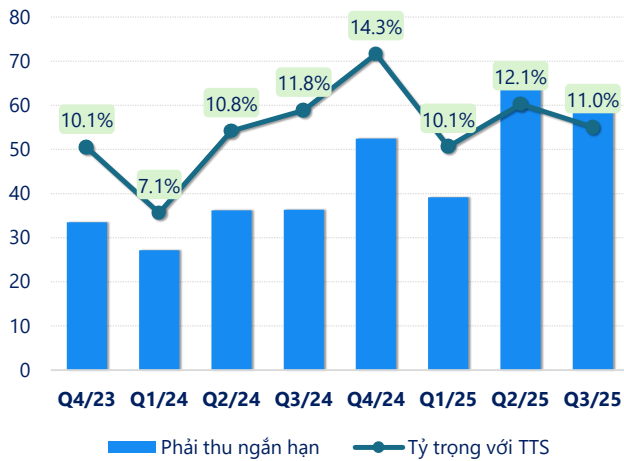
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



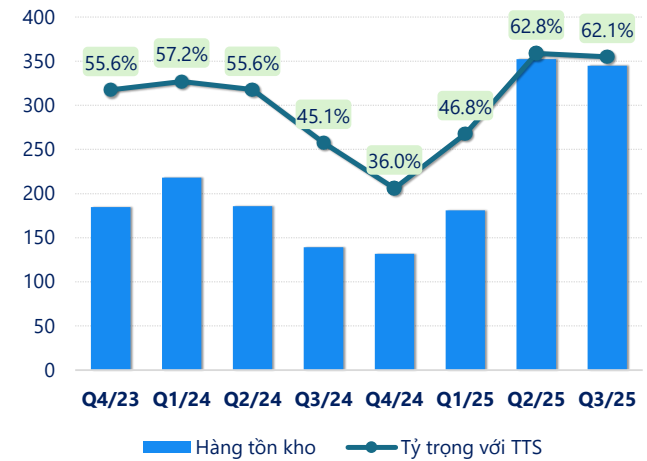
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


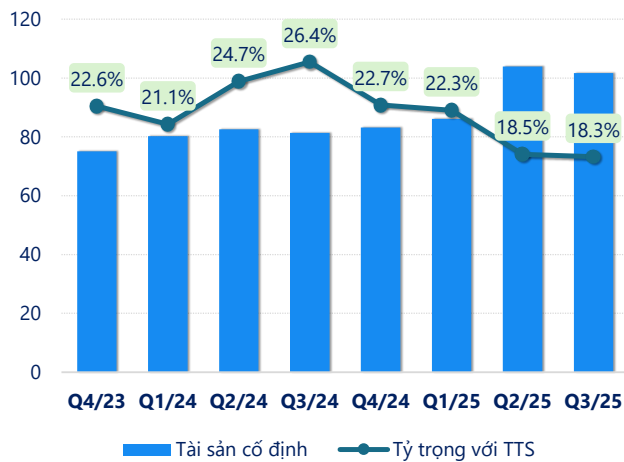
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


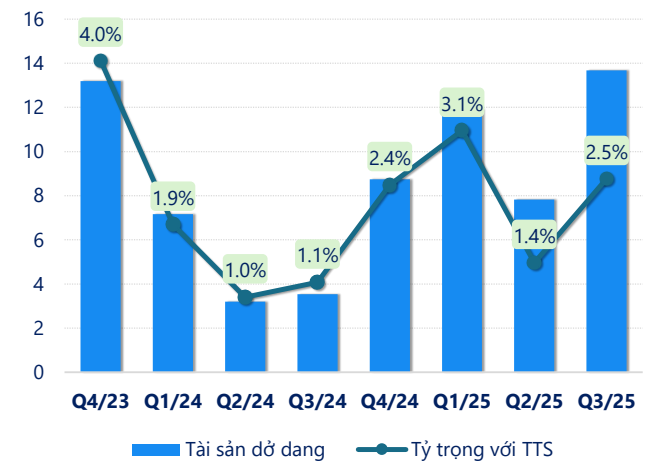
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

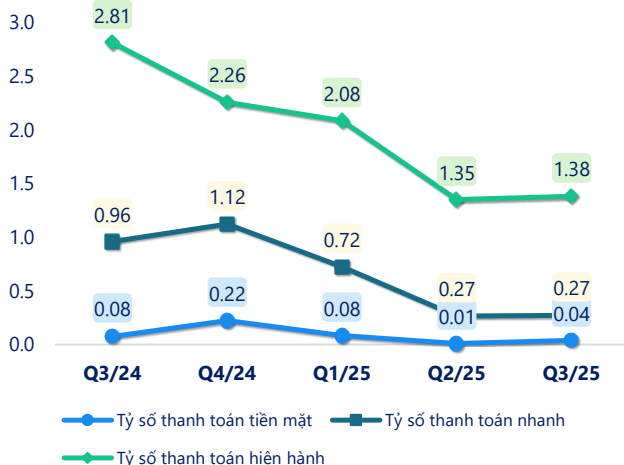
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

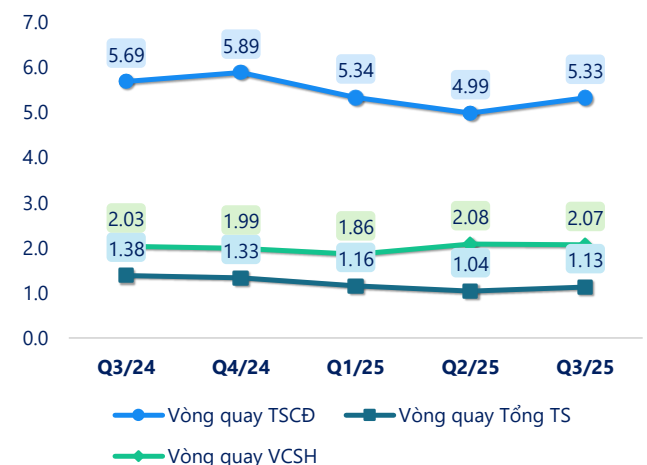
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	309	366	387	561	555
Tài sản ngắn hạn	211	262	277	438	429
Tiền và tương đương tiền	5.72	25.9	11.2	3.04	11.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.3	40.3	39.0	6.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	36.3	52.4	39.2	67.7	61.2
Hàng tồn kho	139	132	181	352	345
Tài sản ngắn hạn khác	9.74	11.8	7.00	9.41	11.6
Tài sản dài hạn	97.4	104	109	123	126
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	81.4	83.2	86.1	104	102
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.53	8.74	11.9	7.83	13.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.4	11.7	11.3	11.0	10.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	77.8	119	136	327	313
Nợ ngắn hạn	75.2	116	133	325	311
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.9	95.6	125	299	262
Phải trả người bán ngắn hạn	1.73	4.69	2.91	13.7	34.8
Nợ dài hạn	2.61	2.51	2.57	2.57	2.57
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	231	247	251	234	242
Vốn chủ sở hữu	231	247	251	234	242
Vốn điều lệ	152	152	152	152	152
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)